TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 12 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Ngô Hồng Dưỡng
Ông Đặng Hữu Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 435/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1972 (vắng mặt)
- *Bị đơn:* Chị Trương Hồng S, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp Tấn Ngọc, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu T và chị Trương Hồng S kết hôn vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị S thường có những lời lẽ xúc phạm anh và gia đình anh. Ngoài ra anh T có hành vi dùng bạo lực đe dọa anh. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị S.

- *Về con chung:* Có hai người con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh năm 1997 và Nguyễn Trung Thành H, sinh năm 2004. Khi ly hôn đối với Nhật T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, đối với Thành H có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác, người khác nợ lại:* Anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn yêu cầu ngày 15/11/2018 anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc con.

** Bị đơn chị Trương Hồng S trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T chung sống với nhau vào ngày 04/12/1995âl, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Anh chị sống tại ấp Tấn Ngọc, xã Ngọc Chánh, chị S làm dâu sau đó ra ở riêng. Trong quá trình chung sống rất hạnh phúc không có mâu thuẫn nhưng kể từ khi chị đi làm anh T có quan hệ với người phụ nữ khác. Nay chị không đồng ý ly hôn anh T.

- *Về con chung:* Có hai người con chung như anh T trình bày là đúng. Khi ly hôn đối với Nhật T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con, đối với Thành H chị và anh T thỏa thuận việc nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì chị yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác, người khác nợ lại:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với anh Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu T và chị Trương Hồng S kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Anh T yêu cầu ly hôn, chị S không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh T và chị S không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Đối với Nguyễn Nhật T đã trưởng thành, đối với Nguyễn Trung Thành H anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị S tự thỏa thuận phân chia do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh T và chị S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các điều 15, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Trương Hồng S là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ngày 02 tháng 10 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0010442 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;